

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/DS-ST
Ngày: 24/9/2020
V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG – TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cấn Thị Thành và ông Hoàng Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 69/2020/QĐST-DS ngày 08/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn C, sinh năm 1973; chức vụ: Giám đốc; có mặt.

Trụ sở: T4, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn D; vắng mặt.

Địa chỉ: T3, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ giấy ghi công nợ tiền mua bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật tính đến ngày 01/01/2018 anh Trần Văn D chưa thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên T số tiền là 182.059.000 đồng. Ngoài ra, từ ngày 27/4/2018 đến ngày 21/11/2018 anh D lấy thêm của Công ty 02 tấn phân Phi líp giá 24.000.000 đồng và một số thuốc bảo vệ thực vật. Ngày 01/5/2018 anh D trả lại 4,5 tạ phân Phi líp với số tiền là 5.400.000 đồng. Tổng hiện nay anh D còn nợ Công ty là 220.245.000 đồng. Về lãi suất Công ty tạm tính là

1,5%/ tháng từ ngày nợ đến ngày khởi kiện là 57.536.000 đồng. Do trong giấy xác nhận nợ không thể hiện thời hạn trả nợ, không thể hiện lãi suất, bên Công ty đã nhiều lần yêu cầu anh D trả nợ để thu hồi vốn nhưng không thành. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho Công ty xác định thời hạn để có căn cứ khởi kiện, đã nhờ chính quyền địa phương can thiệp, xác định thời hạn thông báo trả nợ nhưng anh D vẫn cố tình vắng mặt không hợp tác làm việc, thời hạn Công ty thông báo trả nợ là ngày 10/8/2019.

Để đảm bảo quyền lợi cho Công ty, ông Trần Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Văn D phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên T số tiền mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật số tiền gốc là 220.245.000 đồng, lãi suất chậm trả yêu cầu tính theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Trần Văn D: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, giao trực tiếp cho bị đơn, niêm yết theo quy định các văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt theo các văn bản tố tụng mà Tòa án yêu cầu. Để có căn cứ giải quyết yêu cầu của Nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành giám định chữ ký, chữ viết Tại kết luận giám định số 56/GĐTL- PC 09 ngày 27/4/2020 kết luận “ Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Văn D trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu a) so với mẫu chữ ký Trần Văn D trên tài liệu cần giám định (ký hiệu M1, M2) là do cùng một người viết ra”. Do anh D không tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được vụ án nên Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử, Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng về tư cách pháp lý và mối quan hệ của các bên trong quá trình tham gia tố tụng. Đảm bảo việc cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 170, 179 BLTTDS.

Tòa án thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại các Điều 96, 97 BLTTDS. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, hòa giải theo quy định tại các Điều 98, 205, 208 BLTTDS.

Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 430, 433, 434, khoản 3 Điều 440 Luật dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên T, buộc anh Trần Văn D trả cho Công ty TNHH Một thành viên T số tiền gốc là 220.245.000 đồng và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Công ty TNHH Một thành viên T khởi kiện anh Trần Văn D trả nợ theo nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản. Vì vậy, HĐXX nhận thấy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS). Anh Trần Văn D hiện đang cư trú tại T3, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Giấy xác nhận nợ anh D lấy phân bón và thuốc bảo vệ thực vật từ ngày 01/01/2018 đến ngày 21/11/2018. Quá trình đòi nợ anh D không hợp tác cũng như không xác nhận thời hạn trả nợ nên Công ty đã phải gửi đơn ra ban tự quản thôn giải quyết, tại biên bản làm việc ngày 20/7/2019 do Ban tự quản T 3 (T4 cũ) lập, phía Công ty gia hạn cho anh D đến ngày 10/8/2019, trường hợp đến thời hạn anh D không trả thì Công ty có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, từ ngày vi phạm đến thời hạn Công ty khởi kiện vẫn đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo Điều 184 BLTTDS;

[3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173, Điều 179 BLTTDS. Tuy nhiên, anh Trần Văn D vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[4] Xét về nội dung tranh chấp: Căn cứ giấy xác nhận nợ từ ngày 01/01/2018 đến ngày 21/11/2018 anh Trần Văn D còn nợ Công ty số tiền gốc là 220.245.000 đồng, trong giấy xác nhận nợ có chữ ký của anh D, không thể hiện lãi suất. Quá trình giải quyết anh D không chấp hành. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết trong giấy xác nhận nợ ngày 01/01/2018 (ký hiệu A), so với chữ viết, chữ ký trong biên bản giao nhận của Tòa án tại mục người nhận ngày 17/11/2019 (Ký hiệu M2), giấy xác nhận nợ của anh D ký năm 2016 (ký hiệu M1). Tại kết luận giám định số 56/GĐTL- PC 09 ngày 27/4/2020 kết luận “ Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Văn D trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A) so với mẫu chữ ký Trần Văn D trên tài liệu cần giám định (ký hiệu M1, M2) là do cùng một người viết ra”. Đối chiếu chứng cứ, lời trình bày của đương sự, HĐXX xét thấy việc anh D vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo giấy xác nhận đã ký dẫn đến Công ty TNHH Một thành viên T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Văn D phải trả cho Công ty T số tiền gốc là 220.245.000 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận.

Tại Điều 430 BLDS quy định: “*Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán*”.

Trong giấy xác nhận nợ không thể hiện lãi suất chậm trả, bên Công ty yêu cầu tính theo quy định của pháp luật. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự Tòa án buộc anh D phải trả lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho công ty T kể từ

sau ngày thông báo trả nợ ngày 11/8/2019 theo quy định tại Điều 357, khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự.

Tại khoản 3 Điều 440 BLDS quy định:

“Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”.

Vậy, số tiền lãi anh D chậm trả là: 220.245.000 đồng x 0.83%/ tháng x 13 tháng 13 ngày = 24.555.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Tại Điều 430 BLDS quy định: *“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán”.*

Từ phân tích trên, HĐXX nhận thấy cần: Buộc anh Trần Văn D có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Một thành viên T số tiền gốc là 220.245.000 đồng và lãi suất chậm trả là 24.555.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 244.800.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng*).

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng khác: Do anh Trần Văn D không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Song đã phải ra Quyết định giám định chữ ký, chữ viết trong giấy xác nhận nợ Công ty cung cấp khởi kiện anh D để có căn cứ giải quyết. Tại bản kết luận thể hiện chữ ký và chữ viết trong tài liệu cần giám định là của anh D, nên anh D phải chịu toàn bộ chi phí giám định là 5.000.000 đồng. Công ty đã nộp tạm ứng nên anh D phải nộp lại để hoàn trả cho Công ty theo quy định.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên T được chấp nhận nên anh D phải chịu án phí theo quy định pháp luật là 244.800.000 đồng x 5 % = 12.240.000 đồng .

Hoàn trả cho Công ty TNHH Một thành viên T số tiền nộp tạm ứng án phí là 6.944.625 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002325 ngày 01/10/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 143, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, 430, 433, 434, khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên T;

Buộc anh Trần Văn D phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên T tổng cộng cả gốc và lãi là 244.800.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng*), trong đó số tiền gốc là 220.245.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) và lãi suất chậm trả là 24.555.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ Điều 160, Điều 161 BLTTDS: Buộc anh Trần Văn D phải chịu 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) tiền chi phí giám định; do số tiền này Công ty đã nộp nên hoàn trả lại cho Công ty TNHH Một thành viên T 5.000.000 đồng .

3. Về án phí: Buộc anh Trần Văn D phải chịu 12.240.000 đồng (*Mười hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm..

Hoàn trả cho Công ty TNHH Một thành viên T số tiền nộp tạm ứng án phí 6.944.625 đồng (*Sáu triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002325 ngày 01/10/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

“*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*”.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà

